

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30 - 3 - 2022  
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hàng Bích Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Đoàn Thị Bảy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Cao Thị Ng, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp XC, xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp XC, xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Ng trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Ng và anh Phạm Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân xin ly hôn do anh Q không quan tâm, chăm sóc gia đình, có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh Q và chị Ng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Chị Ng xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q.

Về nuôi con chung: Chị Ng và anh Q có 03 con chung là Phạm Văn N, sinh năm 1999; Phạm Văn T, sinh năm 2000 và Phạm Văn Đ sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ng xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Văn Q đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Phạm Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 1999, chị Cao Thị Ng và anh Phạm Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Ng trình bày: Do anh Q không quan tâm, chăm sóc gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau, hiện nay anh Q và chị Ng đã ly thân. Chị Ng xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q. Về phía anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy anh Q không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị Ng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị Ng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng được ly hôn với anh Q.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Q và chị Ng có 03 người con chung là Phạm Văn N, sinh năm 1999; Phạm Văn T, sinh năm 2000 và Phạm Văn Đ sinh năm 2002. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Ng xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Ng về việc xin ly hôn anh Phạm Văn Q.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị Ng phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/01/2022, chị Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000792 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**N**guyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã HT, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**Hàng Bích Trâm**